

MÔN NGỮ VĂN KHỐI 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận

1. Ma trận

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết (Số câu)		Thông hiểu (Số câu)		Vận dụng (Số câu)		Vận dụng cao (Số câu)		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc	Thần thoại	4	0	3	1	0	1	0	1	60
		Sử thi									
		Thơ Đường luật									
		Kịch bản chèo, tuồng									
		Văn bản thông tin									
2	Thực hành tiếng Việt	Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa									
		Lỗi lặp từ, dùng từ không đúng ngữ pháp, không hợp phong cách ngôn ngữ và cách sửa									
		Trích dẫn, chú thích trong văn bản; Phân tích được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ									
3	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1	40
		Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề									
		Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.									
		Viết bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công									

		cộng.										
Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi			20%	10%	15%	25%	0	20%	0	10%	100	
Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức			30%		40%			20%		10%		
Tổng % điểm			70%					30%				

2. Bảng đặc tả

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
1	1. Đọc hiểu	1. Thần thoại.	Nhận biết: - Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại. - Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại. - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại. - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Hiểu và phân tích được nhân vật trong truyện thần thoại; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.	4 câu TN	3 câu TN 01 câu TL	1 câu TL	1 câu TL

			- Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện thần thoại. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại. Vận dụng: - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,... trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.				
		2. Sử thi.	Nhận biết: - Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong sử thi. - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi. - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử				

			thi. - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong sử thi. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Hiểu và phân tích được nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi. Vận dụng: - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về				
--	--	--	--	--	--	--	--

			bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.				
		3. Thơ Đường luật	Nhận biết: - Nhận biết được một số yếu tố trong thơ Đường luật: thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ - Nhận biết được nhịp điệu, giọng điệu trong bài thơ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ. - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ. - Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. Vận dụng: - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động				

			của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong bài thơ để lí giải ý nghĩa, thông điệp của bài thơ. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.				
		4. Kịch bản tuồng, chèo.	Nhận biết - Nhận biết được đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo. - Nhận biết được lời chỉ dẫn sân khấu, lời thoại và hành động của nhân vật tuồng, chèo. - Nhận biết được nhân vật, tuyến nhân vật và cốt truyện của tuồng, chèo. Thông hiểu - Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo. - Lí giải được tác dụng của cốt truyện, ngôn ngữ, hành động của nhân vật, diễn biến của câu chuyện trong tuồng, chèo. - Phân tích được đặc điểm của nhân vật tuồng, chèo và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.				

			Vận dụng - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do vỡ tường, chèo gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.				
		5. Văn bản thông tin.	Nhận biết: - Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp; văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. - Nhận biết được sự kết hợp giữa các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản thông tin. - Nhận biết được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin. Thông hiểu:				

			- Phân tích được ý nghĩa của đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả. - Giải thích được mục đích, tác dụng của việc lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong vào văn bản - Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản. - Giải thích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản. Vận dụng: - Rút ra ý nghĩa hay tác động của thông tin trong văn bản đối với bản thân. Vận dụng cao: - Đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin.				
2	Thực hành Tiếng Việt.	1. Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa.	Nhận biết: - Nhận diện được một số lỗi dùng từ và lỗi về trật tự từ thường gặp. Thông hiểu: - Lí giải được lí do dẫn đến các lỗi dùng từ, trật tự từ. - Phân biệt giữa lỗi dùng từ, lỗi trật tự từ với các biện pháp nghệ				

			thuật sử dụng các kết hợp từ đặc biệt trong văn bản nghệ thuật. Vận dụng: - Biết cách sửa các lỗi dùng từ và lỗi trật tự từ trong văn bản. - Vận dụng những hiểu biết về lỗi dùng từ, trật tự từ để tự rà soát và sửa lỗi khi tạo lập văn bản. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về lỗi dùng từ và trật tự từ để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản.				
		2. Lỗi lặp từ, dùng từ không đúng ngữ pháp, không hợp phong cách	Nhận biết: - Nhận diện các dấu hiệu của lỗi lặp từ, dùng từ không đúng ngữ pháp, không hợp phong cách trong đoạn văn và văn bản. Thông hiểu: - Phân tích, lí giải được lỗi lặp từ, dùng từ không đúng ngữ pháp, không hợp phong cách. Vận dụng: - Biết cách sửa các lỗi lặp từ, dùng từ không đúng ngữ pháp, không hợp phong cách trong đoạn văn và văn bản. - Vận dụng những hiểu biết để tránh mắc các lỗi trên khi tạo lập văn bản. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về				

			lỗi lặp từ, dùng từ không đúng ngữ pháp, không hợp phong cách để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản.				
		3. Trích dẫn, chú thích trong văn bản; Phân tích được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	Nhận biết: - Nhận diện và sử dụng cách trích dẫn, chú thích trong văn bản. - Nhận diện được các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. Thông hiểu: - Phân tích, giải thích được cách trích dẫn, chú thích trong văn bản. - Phân tích được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ Vận dụng: - Biết cách trích dẫn, chú thích trong văn bản. - Vận dụng những hiểu biết về các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để tạo lập văn bản. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về cách trích dẫn, chú thích và về các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để đánh giá, nhận xét được tác dụng, vai trò của các yếu tố này trong văn bản.				
3	Viết	1. Viết văn bản nghị luận về	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội	1*	1*	1*	1 câu TL

		một vấn đề xã hội. dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.				
		2. Viết báo cáo kết quả nghiên cứu Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội				

		về một vấn đề dung và hình thức của báo cáo. - Lựa chọn và mô tả được vấn đề. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo hình thức của bài báo cáo; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ và các thiết bị. - Thể hiện rõ quan điểm, nhận định trong bài viết.				
	3. Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan	Nhận biết: - Xác định được đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Nêu được thói quen hay quan				

		niệm. niệm mang tính tiêu cực, cần phải từ bỏ. - Xác định rõ được mục đích (khuyên người khác từ bỏ thói quen / quan niệm), đối tượng nghị luận (người / những người mang thói quen / quan niệm mang tính tiêu cực). Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Mô tả, lí giải được những khía cạnh mang tính tiêu cực, bất lợi của thói quen, quan niệm. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: Thể hiện được thái độ tôn trọng với đối tượng thuyết phục; chỉ ra được lợi ích của việc từ bỏ thói quen, quan niệm. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp của phương thức miêu tả, biểu cảm, ... để tăng sức thuyết phục cho lập luận. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.				
	4. Viết bản nội quy	Nhận biết:				

		hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng. - Xác định được đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của văn bản. - Xác định được đúng mục đích, đối tượng của văn bản. Thông hiểu: - Trình bày rõ quy trình, các bước thực hiện một công việc hoặc tham gia một hoạt động nơi công cộng. - Đảm bảo cấu trúc sáng rõ, ngôn ngữ tường minh, chính xác, cụ thể, khách quan. - Trình bày đúng hình thức, thể thức văn bản; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Sử dụng những chỉ dẫn, hướng dẫn cụ thể phù hợp với mục đích, đối tượng. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp sáng tạo giữa kênh chữ và kênh hình.				
--	--	---	--	--	--	--

KỠ THI CUỐI HỌC KỠ I LỚP 10

Năm học: 2022 - 2023

Môn thi: NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

(Đề thi gồm 03 trang)

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

HỘI GIÓNG Ở ĐỀN PHÙ ĐỔNG VÀ ĐỀN SÓC

(1) Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc gắn với truyền thuyết về một cậu bé được mẹ sinh ra một cách kỳ lạ ở làng Phù Đổng. Khôi ngô, tuấn tú nhưng lên 3 mà vẫn chưa biết nói, biết cười, suốt ngày cậu chỉ nằm trong thúng treo trên gióng tre, vì thế được đặt tên là Gióng. Vậy mà khi nghe thấy lời kêu gọi của nhà Vua tìm người tài giỏi đánh giặc ngoại xâm, Gióng bỗng lớn nhanh như thổi, rồi xung phong ra trận cứu nước, cứu dân. Sau khi dẹp tan quân giặc, ngài về núi Sóc rồi cưỡi ngựa bay lên trời.

(2) Từ đó, ngài Gióng được thiêng hóa thành một vị Thánh bất tử bảo hộ mùa màng, hòa bình cho đất nước, thịnh vượng cho muôn dân. Để tưởng nhớ công ơn của ngài, người dân lập đền, thờ phụng và mở hội hằng năm với tên gọi là Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc. Đó là một trong những lễ hội lớn nhất vùng châu thổ Bắc Bộ, tổ chức theo một nghi thức được quy định chặt chẽ, chuẩn bị hết sức công phu, với sự tham gia đông đảo của dân làng quanh khu vực hai đền. Hội Gióng ở đền Phù Đổng, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm - nơi sinh Thánh Gióng diễn ra từ ngày 7 đến ngày 9 tháng 4 Âm lịch, và Hội Gióng ở đền Sóc ở xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn (nay thuộc Hà Nội) - nơi Thánh hóa diễn ra từ ngày 6 đến ngày 8 tháng giêng.

(3) Để tổ chức Hội Gióng ở đền Phù Đổng, những gia đình có vinh dự được chọn người đóng những vai quan trọng như các vai Ông Hiệu (Hiệu cờ, Hiệu trống, Hiệu chiêng, Hiệu Trung quân, Hiệu Tiểu cô), vai cô Tướng hay các phường Áo đen, phường Áo đỏ ..., tùy theo vai vế, khả năng kinh tế mà chuẩn bị những điều kiện vật chất và người được chọn vai sinh hoạt kiêng cử từ hàng tháng trước ngày Lễ hội. Vào chính hội, trước tiên dân làng tổ chức các nghi thức tế Thánh, sau đó là lễ rước nước lau rửa tự khí từ giếng đền Mẫu (đền Hạ) với ý nguyện được mưa thuận, gió hòa, lễ rước cờ “lệnh” từ đền Mẫu lên đền Thượng, tiếp đến là lễ khám đường, lễ duyệt tướng... Ngày chính hội mừng 9 tháng 4, Hội Gióng diễn ra trang trọng, linh thiêng và náo nhiệt nhất là hai trận đánh. Trận thứ nhất: đánh cờ ở Đống Đàm và trận thứ hai: đánh cờ ở Soi Bia... Sau nghi lễ tế Thánh, ông Hiệu cờ lần lượt tiến vào từng chiếc chiếu, nhảy qua các quả đồi (bát úp) và thực hiện các động tác “đánh cờ”. Tiếng hò reo lúc lúc lại dội lên trong tiếng chiêng, tiếng trống, thể hiện sự quyết liệt của trận đánh. Điệu múa cờ của ông Hiệu phải thật chính xác, khéo léo để tránh điều tối kỵ là lá cờ bị cuốn vào cán, bởi theo niềm tin của cư dân nơi đây thì đó là điềm rủi. Kết thúc mỗi màn múa cờ là kết thúc một trận đánh, ông Hiệu cờ vừa bước ra khỏi chiếu là chiếc chiếu được tung lên, dân chúng ào vào cướp lấy những mảnh chiếu mà họ tin tưởng là sẽ đem đến cho gia đình họ điều may mắn trong suốt cả năm. Cuối cùng là lễ rước cờ báo tin thắng trận với trời đất và lễ khao quân trong rộn rã tiếng cười, lời ca, điệu múa của phường Ải Lao, chiếu chèo và các trò chơi dân gian. Tướng, quân bên giặc cũng được tha bổng và cho tham dự lễ mừng chiến thắng. Cách hành xử này thể hiện truyền thống hiếu nghĩa đối với tổ tiên, những vị anh hùng dân tộc và tinh thần khoan dung, nhân đạo của dân tộc Việt Nam.

(4) Hội Gióng ở đền Sóc diễn ra trong 03 ngày từ mừng 6 đến mừng 8 tháng giêng hằng năm. Việc chuẩn bị vật tế lễ cũng hết sức công phu, nhất là việc đan voi (theo truyền thuyết thì đoàn quân tham gia đánh giặc cùng Thánh Gióng có cả đàn voi chở lương thực đi theo) và làm giò hoa tre (tượng trưng cho gậy tre của Thánh Gióng sau khi đánh giặc), nên phải tiến hành từ nhiều tuần lễ trước Lễ hội. Từ xa xưa, việc rước đã được phân công cụ thể cho từng thôn chuyên trách... Sau phần nghi thức tắm tượng Thánh Gióng và cung tiến lễ vật trang trọng, linh thiêng, là hai hoạt động gây náo động nhất của Lễ hội Gióng ở đền Sóc. Đó là tục “cướp hoa tre” cầu may và tục chém “tướng” (giặc) được diễn xướng một cách tượng trưng bằng hiệu lệnh múa cờ.

(5) Là một hội trậ được trình diễn bằng một hệ thống biểu tượng độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa Việt, được cộng đồng bảo tồn nguyên giá trị cho tới ngày nay, Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào tháng 11 năm 2010.

(Theo <http://dsvh.gov.vn/hoi-giong-o-den-phu-dong-va-den-soc-486>)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên là gì?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Thuyết minh
- D. Biểu cảm

Câu 2. Theo văn bản, hằng năm có mấy Hội Gióng được tổ chức?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 3. Ngày chính hội của Hội Gióng ở đền Phù Đổng là bao giờ?

- A. Ngày 7 tháng 4
- B. Ngày 6 tháng giêng
- C. Ngày 9 tháng 4
- D. Ngày 8 tháng giêng

Câu 4. Hoạt động nào tại Hội Gióng đền Phù Đổng thể hiện tinh thần khoan dung, nhân đạo của dân tộc Việt Nam?

- A. Nghi lễ tế Thánh
- B. Hai trận “đánh cờ”
- C. Tục “cướp chiếu”
- D. Lễ rước cờ và lễ khao quân

Câu 5. Sự kết hợp giữa thuyết minh với miêu tả trong văn bản trên đã đem đến hiệu quả gì?

- A. Thông tin được đề cập cụ thể, sinh động và dễ hình dung hơn.
- B. Nội dung đề cập giàu tính thẩm mỹ và tính hư cấu hơn.
- C. Văn bản có đầy đủ đặc điểm của phong cách ngôn ngữ báo chí.
- D. Văn bản thể hiện rõ bản sắc dân tộc qua một lễ hội truyền thống.

Câu 6. Tại sao việc chuẩn bị vật tế lễ ở Hội Gióng đền Sóc phải tiến hành từ nhiều tuần lễ trước Lễ hội?

- A. Vì vật tế lễ trong lễ hội rất nhiều.
- B. Vì vật tế lễ phải chuẩn bị hết sức công phu, nhất là việc đan voi và làm giò hoa tre.
- C. Vì lễ hội diễn ra trong thời gian dài với nhiều hoạt động.
- D. Vì lễ hội rất đông người tham dự.

Câu 7. Thông tin nào **không** đúng về Hội Gióng?

- A. Hội Gióng để tưởng nhớ Thánh Gióng – vị Thánh bảo hộ mùa màng, hòa bình.
- B. Hội Gióng được tổ chức ở làng Phù Đổng vì đây là nơi Thánh hóa.
- C. Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc đều được tổ chức rất trang trọng, linh thiêng.
- D. Hội Gióng được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể.

Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Mục đích của đoạn (1) trong văn bản trên là gì?

Câu 9. Theo bạn, lễ hội đền Gióng thể hiện truyền thống gì của dân tộc?

Câu 10. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, việc duy trì những lễ hội như Hội Gióng có còn ý nghĩa không? Hãy chia sẻ suy nghĩ của bạn bằng một đoạn văn khoảng 5-7 câu.

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)

Có ý kiến cho rằng, nhân vật Xúy Vân (chèo “Kim Nham”) rất đáng thương khi khát vọng hạnh phúc gia đình không thành. Lại có ý kiến khác khẳng định, Xúy Vân đáng trách vì không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng. Hãy trình bày ý kiến của bạn về vấn đề này.

-----**Hết**-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:; Số báo danh:

Chữ kí của cán bộ coi thi 1: ; Chữ kí của cán bộ coi thi 2:

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2022 - 2023

Môn: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời

gian phát đề

(Đáp án gồm 03 trang)

I	ĐỌC HIỂU		6.0
	1	C	0.5
	2	B	0.5
	3	C	0.5
	4	D	0.5
	5	A	0.5
	6	B	0.5
	7	B	0.5
	8	Mục đích của đoạn (1) trong văn bản trên là: tóm tắt lại nguồn gốc, lai lịch của Thánh Gióng và những chuyện kì lạ về nhân vật này.	0.5
	9	Lễ hội đền Gióng thể hiện được nhiều truyền thống tốt đẹp của dân tộc như: đạo lí “uống nước nhớ nguồn”, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, biết ơn công lao của các anh hùng dân tộc, truyền thống nhân đạo, bao dung của người Việt...	1.0
II	10	- Về hình thức: đúng hình thức đoạn văn, độ dài 5-7 câu - Về nội dung: Thể hiện quan điểm của bản thân về ý nghĩa của những lễ hội như Hội Gióng trong bối cảnh toàn cầu hóa. <i>Dưới đây là gợi ý:</i> Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc duy trì những lễ hội như Hội Gióng vẫn còn rất nhiều ý nghĩa: + Giúp thế hệ sau hiểu rõ công lao của các anh hùng dựng nước và giữ nước, để từ đó trân trọng hơn cuộc sống hiện tại, sống có trách nhiệm với xã hội, đất nước. + Những lễ hội truyền thống tạo nên bản sắc riêng cho dân tộc, cũng là một cách thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. + Duy trì các lễ hội dân gian cũng là thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về xu hướng hội nhập “hòa nhập chứ không hòa tan”.	0.25 0.75
	II	VIẾT	4.0
	Có ý kiến cho rằng, nhân vật Xúy Vân (chèo “Kim Nham”) rất đáng thương khi khát vọng hạnh phúc gia đình không thành. Lại có ý kiến khác khẳng định, Xúy Vân đáng trách vì không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng. Hãy trình bày ý kiến của bạn về vấn đề này.		
		<i>a, Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> <i>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</i>	0.25
		<i>b, Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i>	0.25

	Đánh giá các quan điểm khác nhau về nhân vật Xúy Vân trong vở chèo “Kim Nham”	
	<i>c, Triển khai vấn đề thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai bài theo nhiều cách nhưng cần vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo các yêu cầu sau: * Giới thiệu khái quát về vở chèo “Kim Nham” và nhân vật Xúy Vân * Bình luận ý kiến 1: Xúy Vân đáng thương. - Cuộc hôn nhân của Xúy Vân với Kim Nham là do cha mẹ sắp đặt vội vàng (hôn nhân không tình yêu). Xúy Vân là một cô gái nông dân nhưng lại được gả vào một gia đình chữ nghĩa. - Mong ước của Xúy Vân rất nhỏ bé, bình thường, cụ thể (vợ chồng sum vầy, chồng cày vợ cấy) nhưng Kim Nham lại say mê công danh, sự nghiệp đèn sách => bị kịch đồng sàng dị mộng. - Cô trót trao tình cảm cho Trần Phương, sẵn sàng vượt qua lễ giáo lẩn dư luận để chạy theo tiếng gọi của tình yêu. Nhưng Trần Phương lại là kẻ Sở Khanh, tráo trở => bị kịch bị phụ tình. - Xúy Vân bị dồn đến cùng đường, chọn cái chết như một sự giải thoát. => Xúy Vân là nạn nhân đáng thương của đạo tam tòng. => Cái nhìn nhân đạo của tác giả dân gian. * Bình luận ý kiến 2: Xúy Vân đáng trách - Xúy Vân là cô gái đã có chồng, chồng cô là một thư sinh chăm chỉ học hành, theo đuổi công danh. Vậy mà Xúy Vân chê chồng, chạy theo nhân tình, bị phụ bạc mà trở nên điên dại lãng lờ, không chung thủy, không phải người vợ hiền tiết hạnh. => Đây là quan điểm đứng ở góc độ xã hội phong kiến. * Đánh giá chung: - Hai ý kiến đều không sai do đứng ở những góc độ khác nhau khi xem xét, đánh giá nhân vật. - Tuy vậy không thể phủ nhận: Xúy Vân mặc dù không phải người vợ “đúng chuẩn” trong xã hội cũ nhưng cô lại đại diện cho khát vọng sống mãnh liệt, khao khát những quyền chính đáng của con người, nhất là với người phụ nữ (tình yêu, khát vọng hạnh phúc). - Hiểu bi kịch của Xúy Vân, cảm thông với những đau khổ bế tắc của nàng để ta trân trọng hơn cuộc sống, tình yêu của người phụ nữ Việt Nam hiện đại.	0.5 1.0 0.75 0.5

		<i>d, Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	0.25
		<i>e, Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0.5
TỔNG			10.0